

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/12/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Bắc.

Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8
- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03/12/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 352/2025/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/11/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh ngày 14/11/1988. Số CCCD: 030188004xxx;

ĐKHKT: Thôn LC 3, xã HN, thành phố Hải Phòng.

Nơi cư trú: Thôn MĐ, xã HN, thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh Tăng Xuân D, sinh ngày 25/7/1987. Số CCCD: 030087019xxx;

ĐKHKT và cư trú: Thôn LC 3, xã HN, thành phố Hải Phòng.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

Chị và anh Tăng Xuân D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã HN, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/11/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm, không có tiếng nói chung, mỗi lần nói chuyện vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Từ tháng 9/2019, chị T về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Tăng Xuân K, sinh ngày 20/8/2012 và Tăng Xuân Hoàng G, sinh ngày 15/11/2016, từ khi chị về nhà mẹ đẻ sinh sống, chị trực tiếp nuôi cháu G còn anh D nuôi cháu K. Chị T đề nghị Tòa án hỏi quan điểm của các con để giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Tăng Xuân D trình bày: Anh và chị Đặng Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã HN, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/11/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì anh đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu, vợ chồng thường xuyên liên lạc, đến năm 2018 chị T cũng sang Đài Loan lao động, mỗi người sống một nơi. Năm 2023, anh về nước, chị T tiếp tục sinh sống tại Đài Loan, mỗi lần điện thoại về chị T chỉ hỏi han con, không chuyện trò cùng anh. Đến đầu năm 2025, chị T về nước sinh sống, chị T không về nhà, không hỏi anh mà tự động đón con về nhà ngoại sinh sống, thỉnh thoảng chị T qua nhà để đón cháu K về nhà ngoại chơi nhưng cũng không vào nhà, không hỏi anh. Nay anh có quan điểm không đồng ý ly hôn, nhưng nếu chị T vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Anh D xác định vợ chồng có hai con chung là Tăng Xuân K, sinh ngày 20/8/2012 và Tăng Xuân Hoàng G, sinh ngày 15/11/2016, hiện nay anh đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu K; chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu G. Nếu ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao hai con cho anh trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Tuy nhiên, anh D đề nghị Tòa án trực tiếp lấy lời khai của hai con xem nguyện vọng của hai con ở cùng ai, anh sẽ tôn trọng ý kiến của hai con. Nếu anh và chị T mỗi người nuôi một con thì không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh D không đề nghị giải quyết.

UBND xã HN, thành phố Hải Phòng cung cấp: Chị Đặng Thị T và anh Tăng Xuân D được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã HN, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/11/2011. Sau khi kết hôn, chị T và anh D sinh sống tại địa phương, sau đó vợ chồng đi lao động tại Đài Loan, thời gian gần đây anh D và chị T đều về nước, anh D là lao động tự do ở gần nhà, chị T về nước nhưng không về sinh sống cùng

anh D. Mâu thuẫn cụ thể giữa chị T và anh D địa phương không nắm được, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, cháu Tăng Xuân K có nguyện vọng ở cùng bố Tăng Xuân D, cháu Tăng Xuân Hoàng G có nguyện vọng ở cùng mẹ Đặng Thị T.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T, xử cho chị Đặng Thị T ly hôn anh Tăng Xuân D. Về con chung: Giao cho anh Tăng Xuân D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tăng Xuân K, sinh ngày 20/8/2012; giao cho chị Đặng Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tăng Xuân Hoàng G, sinh ngày 15/11/2016 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị T và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đặng Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tăng Xuân D có địa chỉ: Thôn LC 3, xã HN, thành phố Hải Phòng và giải quyết về con chung. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành

lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Nguyên đơn chị T, bị đơn anh D đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Tăng Xuân D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã HN, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/11/2011 nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị T, anh D, biên bản xác minh tại địa phương có căn cứ xác định chị T, anh D sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, vợ chồng không quan tâm, thăm hỏi nhau. Đến đầu năm 2025 chị T về nước sinh sống, anh chị không ở cùng nhau. Chị T có đơn xin ly hôn, anh D không đồng ý ly hôn nhưng anh không đưa ra được biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị T vẫn cương quyết ly hôn thì anh D cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy thực tế tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm nhau, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T ly hôn anh D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh D có hai con chung là Tăng Xuân K, sinh ngày 20/8/2012 và Tăng Xuân Hoàng G, sinh ngày 15/11/2016. Chị T đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của các con để giao cho anh D nuôi dưỡng cháu K, chị nuôi dưỡng cháu G, vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Anh D đề nghị nếu ly hôn, anh trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, anh D đề nghị Tòa án trực tiếp lấy lời khai của hai con xem nguyện vọng của hai con ở cùng ai, anh sẽ tôn trọng ý kiến của hai con. Nếu anh và chị T mỗi người nuôi một con thì không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau.

Hội đồng xét xử thấy thực tế chị T và anh D mỗi người nuôi một con từ thời điểm chị T về nước, cháu K ở với anh D và có nguyện vọng sống cùng bố, cháu G ở với chị T và có nguyện vọng sống cùng mẹ, anh chị cùng có công việc và thu nhập để nuôi con nên có căn cứ giao cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K; giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu G cho đến khi

con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh D không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng nhau. Chị T, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T, xử cho chị Đặng Thị T ly hôn anh Tăng Xuân D.

2. Về con chung: Giao cho anh Tăng Xuân D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tăng Xuân K, sinh ngày 20/8/2012; giao cho chị Đặng Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Tăng Xuân Hoàng G, sinh ngày 15/11/2016 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị T và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0004483 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đặng Thị T đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T và anh Tăng Xuân D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND xã HN, thành phố Hải Phòng (kết hôn năm 2011 tại UBND xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh